

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/DS-ST

Ngày: 21-8-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Lan**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Sóng Thành**

Ông **Nguyễn Thế Long**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Phi Hải** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khu vực 4 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – tham gia phiên tòa: bà **Trần Huỳnh Như Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025 tại phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-DS ngày 15/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai và Thông báo sửa chữa quyết định đưa vụ án ra xét xử giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 341, ấp H, xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (Nay là số 341, ấp H, xã Dy, tỉnh Đồng Nai).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 6, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Nay là tổ 6, ấp H, xã D, tỉnh Đồng Nai).

(*Tại phiên tòa bà H, bà T vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Bà H và bà T là người ở cùng địa phương với nhau; Ngoài ra giữa bà H bà T không có mối quan hệ nào khác.

Ở địa phương bà T đã làm chủ hụi đã lâu tuy nhiên bà H mới tham gia chơi hụi với bà T từ năm 2021 đến năm 2023. Bà H có tham gia chơi

hụi do bà T làm chủ rất nhiều dây, những dây hụi khui từ năm 2021, 2022 bà H đã hốt đầy đủ. Đến năm 2023 bà H tiếp tục tham gia 02 dây hụi do bà T làm chủ cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: dây hụi này gồm 12 người tham gia, khui hụi ngày 20/11/2023 đến ngày 20/10/2024. Khi tham gia chơi hụi thì bà T có đưa cho bà H 01 tờ giấy ô ly có tên danh sách 12 người chơi hụi (bà H đã cung cấp cho Tòa án). Bà H đứng thứ tự số 6, tên gọi là Trúc Thảo (Trong đó Trúc là tên ở nhà của bà H còn Thảo có nghĩa là bà H đóng áp thảo đủ 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Trong 12 người này bà H có biết út Hưng (Số thứ tự 01, 02) và bà Tư Hiếu (Số thứ tự 11) tại thời điểm khui hụi có gặp mặt những người này. Những người còn lại bà H không biết.

Dây hụi này là dây hụi có lãi. Hình thức đóng hụi theo quy định bà T là người thu tiền đóng hụi của các thành viên và giao lại tiền hụi cho các thành viên hốt hụi, người hốt hụi phải đưa cho bà T chủ hụi khoản tiền hoa hồng theo thỏa thuận là 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng). Ai đóng bèo cao hơn thì được hốt. Đối với dây hụi thứ nhất này bà H đóng cho bà T được 5 kỳ cụ thể như sau:

Ngày 20/11/2023 bà H đóng áp thảo 5.000.000đ (năm trăm triệu đồng); Ngày 20/12/2023 đóng 3.700.000đ (ba triệu bảy trăm nghìn đồng); Ngày 20/01/2024 đóng 4.100.000đ (bốn triệu một trăm nghìn đồng); Ngày 20/02/2024 đóng 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng); Ngày 20/3/2024 bà H đóng 4.300.000đ (bốn triệu ba trăm nghìn đồng). Đến tháng 4/2024 bà T xin ngưng chưa trả, tháng 5/2024 bà T xin ngưng tiếp và đến tháng 6/2024 bà T tuyên bố vỡ hụi. Như vậy tổng số tiền gốc bà H đóng cho bà T dây thứ nhất là 21.300.000đ (hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng).

Dây thứ hai: Khui cùng ngày với dây thứ nhất; hình thức chơi tương tự như dây thứ nhất, dây hụi này gồm 12 người tham gia, khui hụi ngày 20/11/2023 đến ngày 20/10/2024. Khi tham gia chơi hụi thì bà T có đưa cho bà H 01 tờ giấy ô ly có tên danh sách 12 người chơi hụi (bà H đã cung cấp cho Tòa án). Bà H đứng thứ tự số 5, tên gọi là Trúc Thảo (trong đó Trúc là tên ở nhà của bà H còn Thảo có nghĩa là bà H đóng áp thảo đủ 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Trong 12 người này bà H có biết út Hưng (số thứ tự 01, 02) và anh Minh Thảo (Số thứ tự 11) tại thời điểm khui hụi. Những người còn lại bà H không biết.

Dây hụi này là dây hụi có lãi. Hình thức đóng hụi theo quy định bà T là người thu tiền đóng hụi của các thành viên (vào tận nhà con hụi để thu tiền) và giao lại tiền hụi cho các thành viên hốt hụi, người hốt hụi phải đưa cho bà T chủ hụi khoản tiền hoa hồng theo thỏa thuận là 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng). Ai đóng bèo cao hơn thì được hốt.

Đối với dây hụi thứ hai này bà H đóng được 05 kỳ cụ thể:

Ngày 20/11/2023 bà H đóng áp thảo 5.000.000đ (năm trăm triệu đồng); Ngày 20/12/2023 đóng 3.700.000đ (ba triệu bảy trăm nghìn đồng); Ngày 20/01/2024 đóng 4.100.000đ (bốn triệu một trăm nghìn đồng); Ngày 20/02/2024 đóng 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng); Ngày 20/3/2024 bà H đóng 4.300.000đ (bốn triệu ba trăm nghìn đồng). Đến tháng 4/2024 bà T xin ngưng chưa trả, tháng 5/2024 bà T xin ngưng tiếp và đến tháng 6/2024 bà T tuyên bố vỡ hụi. Như vậy tổng số tiền gốc bà H đóng cho bà T dây thứ hai là 21.300.000đ (hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền hai dây hụi bà H đóng cho bà T tổng cộng là 42.600.000đ (Bốn mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Đến tháng 9/2024 bà T có trả cho bà H

được 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền mặt. Số tiền còn lại bà H đã đôn đốc nhiều lần nhưng bà T không trả còn thách thức bà H nên giữa hai bên có xảy ra cự cãi, xô xát.

Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc bà T phải thanh toán số tiền hội gốc còn lại cho bà H là 37.600.000đ (ba mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Lời khai của bà T tại Tòa án là đã thanh toán cho bà H được 36.240.000đ (ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) bà H không thừa nhận. Bà T chỉ mới thanh toán cho bà H được 5.000.000đ (năm triệu đồng). Mỗi lần đóng hội bà H đưa trực tiếp tiền mặt cho bà T, bà T nói đưa bao nhiêu thì bà H đóng đủ bấy nhiêu, giữa hai bên không lập giấy tờ, sổ sách liên quan.

**** Theo bản tự khai ngày 30/12/2024 bị đơn bà Trần Thị T trình bày:***

Bà T là chủ hội tại Hưng Lộc khoảng 10 năm nay, bà H là con hội. Vào thời điểm năm 2024 bà H có tham gia hai dây hội do bà T làm chủ hội cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Dây hội này gồm 12 người tham gia, khai hội ngày 20/11/2023 đến 20/10/2024. Khi tham gia chơi hội thì bà T có đưa cho bà H 01 tờ giấy ô ly có tên danh sách 12 người chơi hội (bà H tên là em Trúc Thảo); Giấy hội có tên danh sách người chơi bà T là người viết ra.

Dây hội này là dây hội có lãi. Hình thức đóng hội theo quy định bà T là người thu tiền đóng hội của các thành viên và giao lại tiền hội cho các thành viên hót hội, người hót hội phải đưa cho bà T chủ hội khoản tiền hoa hồng theo thỏa thuận là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Ai đóng béo cao hơn thì được hót.

Quá trình đóng hội dây thứ nhất bà H đã đóng được 5 kỳ vào 5 tháng là từ tháng 11, 12 năm 2023 và tháng 1,2,3 năm 2024 với tổng số tiền là 21.300.000đ (hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng) như lời khai bà H là đúng. Mỗi lần thu hội thì tùy lúc bà T liên hệ bà H để lấy tiền. Tất cả những con hội đều biết mặt nhau. Từ tháng 4/2024 bà T tuyên bố vỡ hội.

Dây thứ hai: Khai cùng ngày với dây thứ nhất; dây hội này gồm 12 người tham gia, khai hội ngày 20/11/2023 đến 20/10/2024 như lời khai bà H là đúng. Tổng số tiền gốc bà H đóng cho bà T dây thứ hai là 21.300.000đ (hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng). Như vậy tổng số tiền gốc bà H đóng cho bà T là 42.600.000đ (Bốn mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Đến ngày 20/5/2024 bà T trả cho bà H được 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và tiếp theo bà T đã trả cho bà H được 31.240.000đ (ba mươi một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Tổng số tiền bà T trả cho bà H là 36.240.000đ (ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn). Như vậy bà T chỉ nợ bà H 6.360.000đ (sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) bà T không đồng ý trả bà H.

**** Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:***

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm xét xử, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, về thẩm quyền thụ lý vụ án, về thời hiệu khởi kiện, tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 đúng thời hạn theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đảm bảo sự vô tư, khách quan giải quyết vụ án, không có trường hợp thay đổi người tiến hành tố tụng theo điều 52 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, thủ tục phiên tòa từ khi bắt

đầu cho đến thời điểm này được Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ, đúng quy định trình tự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 280, 357, Điều 468, 471 Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bị đơn bà Trần Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 37.600.000 đồng (ba mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền góp hui đối với bị đơn. Như vậy, xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp Hợp đồng dân sự căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, bị đơn là bà Trần Thị T có địa chỉ cư trú tại ấp H, xã H, huyện Thống Nhất, Đồng Nai (nay là xã Dầu Giây). Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà T đã chuyển đi nơi khác sinh sống, hiện không xác định được nơi cư trú mới, không có thông báo cho chính quyền địa phương cũng như Tòa án. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự được xác định theo nơi cư trú của bị đơn. Trong trường hợp không xác định được nơi cư trú hiện tại thì Tòa án nơi bị đơn cư trú cuối cùng có thẩm quyền giải quyết vụ án. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện Thống Nhất (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[

1.2] Về tư cách đương sự

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn; bà Trần Thị T là bị đơn.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Trần Thị T thanh toán số tiền hui là 37.600.000đ (ba mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng), Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Trần Thị T thừa nhận bà Nguyễn Thị H có tham gia chơi

hai dây hụi với từ tháng 11/2023 đến tháng 3/2024, và bà H đã đóng cho bà T tổng cộng 42.600.000 đồng/02 dây tương đương mỗi dây 21.300.000đ (hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng). Như vậy, có cơ sở xác định đây là giao dịch hụi hợp pháp giữa các bên, không trái quy định của pháp luật.

[2.2] Về việc thanh toán tiền hụi: Bà Trần Thị T khai đã trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) vào ngày 20/5/2024, bà H cũng thừa nhận khoản này. Ngoài ra, bà T cho rằng đã thanh toán thêm cho bà H 31.240.000đ (ba mươi một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Tổng số tiền bà T trả cho bà H là 36.240.000đ (ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn) và chỉ nợ bà H 6.360.000đ (sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trong khi đó, bà H chỉ thừa nhận bà T đã trả 5.000.000đ (năm triệu đồng) và bà T còn nợ 37.600.000đ (ba mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Căn cứ khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: "Đương sự đưa ra yêu cầu thì phải chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp". Trong vụ án này, bà Trần Thị T là người có nghĩa vụ chứng minh đã thanh toán số tiền còn lại. Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai) đã ban hành Thông báo yêu cầu giao nộp tài liệu chứng cứ số 01/2025/TB – TA ngày 12/02/2025 yêu cầu bà T cung cấp căn cứ chứng minh bà T đã thanh toán cho bà H tổng số tiền 36.240.000 đồng nhưng bà T không cung cấp chứng cứ, do đó không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bà T.

[2.3] Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ và hợp pháp. Buộc bà Trần Thị T phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền còn nợ là 37.600.000đ (ba mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp với tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên toà và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm

Bà Trần Thị T là người phải thanh toán số tiền trên nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 280, 357, Điều 468, 471 Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bị đơn bà Trần Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Nguyễn Thị H số tiền 37.600.000 đồng (ba mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

3. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 1.880.000đ (một triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4 – Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 4
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Lan